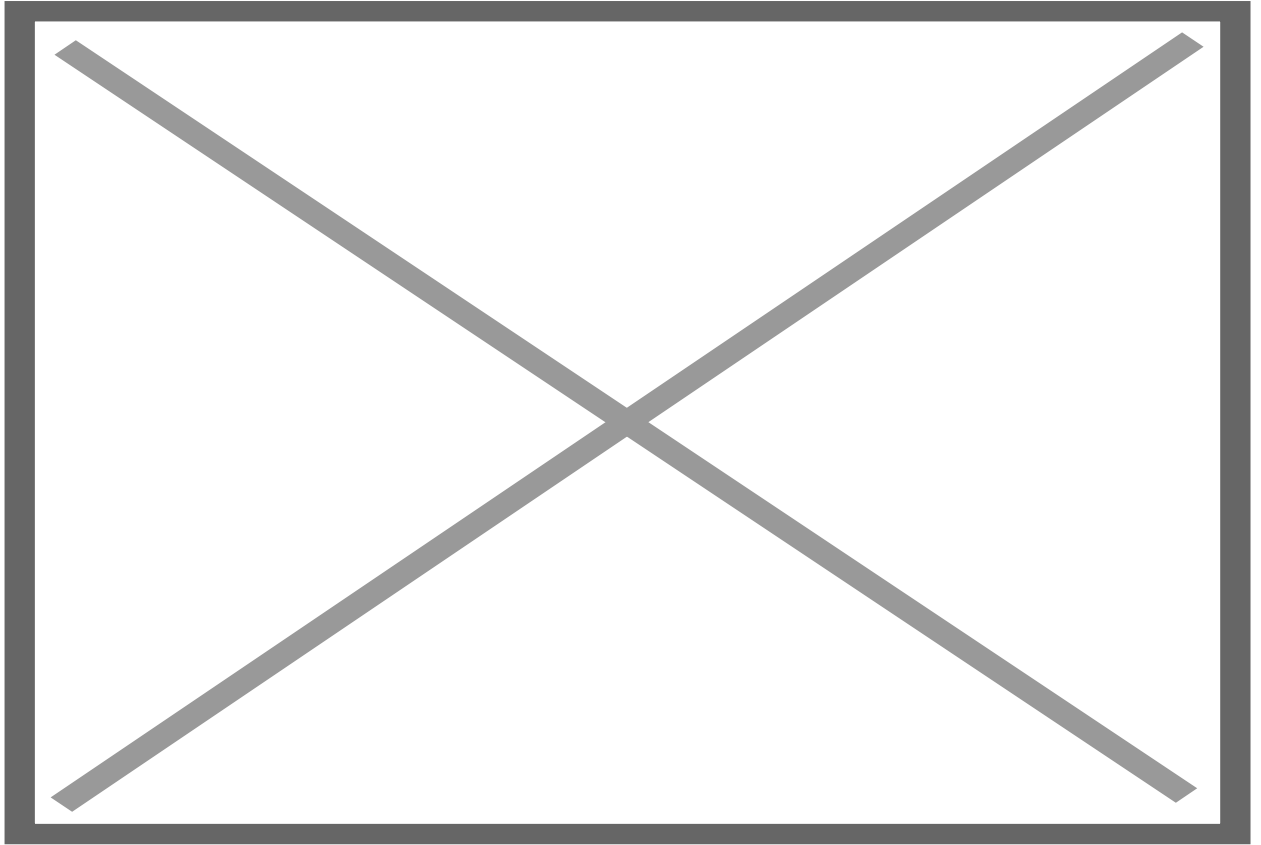


Độc "Muối của rừng" từ góc nhìn Bát Chính Đạo

ISSN: 2734-9195 16:48 08/12/2021

TS Trần Thị Ánh Nguyệt - Trần Lê Hồng Phúc Đại học Duy Tân, Đà Nẵng
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 11/2021

Nguyễn Huy Thiệp chia sẻ trên Tạp chí Sông Hương, số ra ngày 23/10/2014: “Muối của rừng là cuộc đi săn tìm lẽ sống, lẽ đời... Cuộc sống là cuộc đi săn tìm thói xấu trong bản thân ta để tự mình trực độc, tự mình thoát thân từ khỉ thành người”. Khi phân tích Muối của rừng, Nguyễn Văn Thuận nhận thấy sự ảnh hưởng Phật giáo “Trong sáng tác Nguyễn Huy Thiệp tình thương, lòng trắc ẩn đã có chiều kích rộng rãi hơn nhiều, mang đậm màu sắc Phật giáo, người cùng với tất các loài có sinh mệnh đều bình đẳng như nhau, đều mang Phật tính, đều có khả năng giác ngộ đạt tới Niết Bàn” [8, 185]. Từ việc nghiên cứu trường hợp Muối của rừng chúng tôi lí giải sự giao thoa giữa ngòi bút của nhà văn với Phật giáo đồng thời soi rọi lộ trình cõi trời và xây dựng thiên lương, tâm từ bi, an hòa và thương ái với loài vật.



Phật giáo cho rằng “đời là bể khổ”. Nguồn gốc của khổ một phần là do “tham, sân, si”. Để trừ diệt nguồn gốc khổ đau mỗi người cần thực hành phương pháp Bát Chính Đạo, sẽ thoát khỏi mê lầm và nhận được hạnh phúc, an nhiên, thư thái. Bát Chính Đạo là con đường của tám nguyên tắc hành động chân chính (Astamaga):

Thứ nhất là Chính kiến là thấy đúng.

Chính tư duy là sự tư duy đúng đắn.

Chính ngữ là lời nói có tác dụng chuyển hóa, tháo gỡ, đem lại hạnh phúc và đánh tan mê lầm.

Chính nghiệp là hành động không tạo khổ đau, đưa lại hạnh phúc.

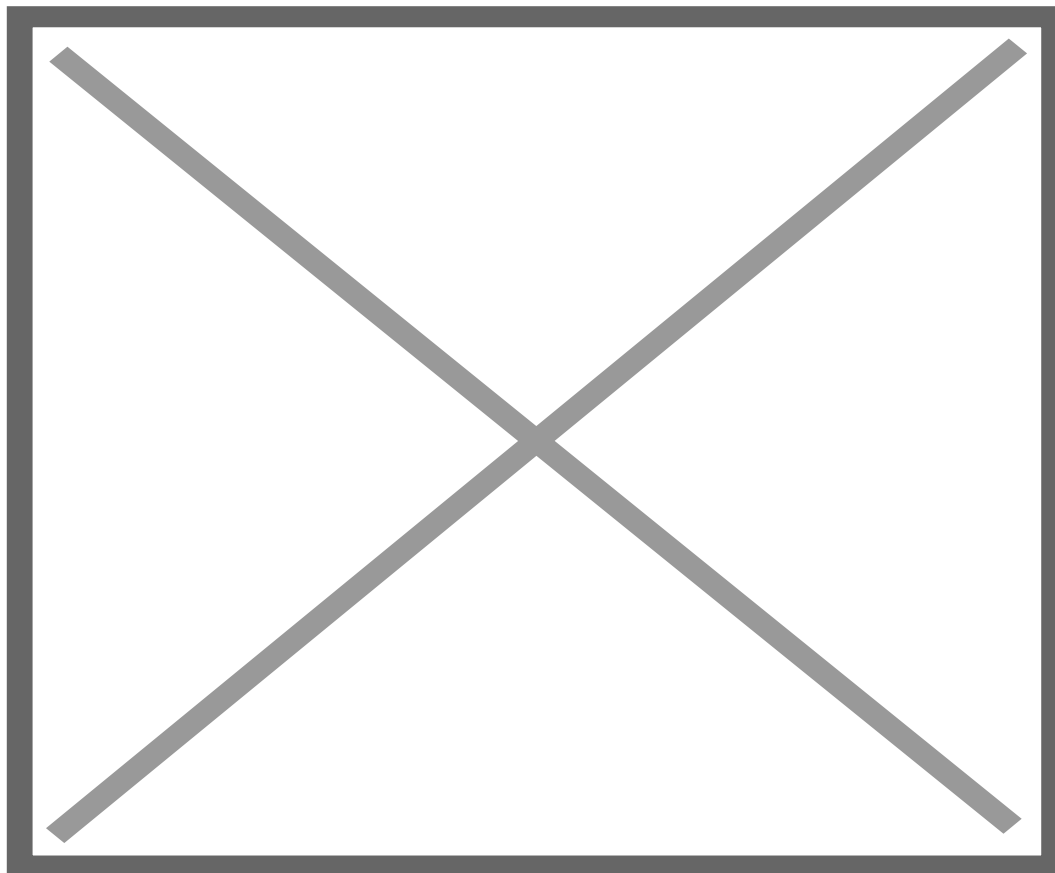
Chính mạng là nghề nghiệp, là phương cách sinh sống không gây đau khổ và mê lầm cho con người, không tàn hại thiên nhiên.

Chính tinh tấn là sự siêng năng.

Chính niệm là tự làm chủ ý thức chân chính.

Chính định là luôn luôn định vào một đối tượng” [6,104 - 105].

Việc thực hành giáo lý Phật giáo sẽ đưa đến một cách sống hiểu biết, cao thượng kể cả trong cư xử với động vật, bởi vì: *“Lý tưởng cao nhất và phổ quát nhất của Phật giáo là cố gắng không ngừng để vĩnh viễn chấm dứt khổ đau cho tất cả chúng sinh chứ không phải chỉ cho loài người”*[4, 26].



1. Chính kiến trong Phật giáo mang ý nghĩa là Tuệ, là không si mê [1, 24]. Khi có Chính kiến sẽ có tư duy chân chính [2, 112].

Ban đầu, ông Diểu chỉ có tà kiến (tà kiến hiểu là những suy nghĩ mê lầm bởi những định kiến và thành kiến) là những thói quen đã có sẵn để nhìn gia đình khi. Ông đã dùng quan niệm của loài người để nhận xét về con khi đực *“Cái thằng ô trọc ấy! Đồ phong tình phóng đãng! Vị gia trưởng cục cằn! Nhà lập pháp bẩn thỉu! tên bạo chúa khốn nạn”*. Thấy khi cái canh gác ông khởi phát ý nghĩ khinh thường *“Bởi giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm. Đấy, thấy chưa? Đang canh gác mà đi bắt rận ở người thì còn gì nữa? Với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất”*. Sống trong tình trạng tri giác sai lầm về loài vật, ông Diểu đã đem những định kiến của loài người để nhìn vào hai con khi. Giữ những nguyên tắc, ý niệm cũ ông Diểu yên tâm về cuộc đi săn của mình và hướng mục tiêu nhắm bắn vào con khi đực. Nhưng trong cuộc săn ấy gia đình khi đã khiến ông thay đổi thái độ về loài vật: từ khinh thường, kể cả ông trở nên cảm phục, thương xót khi chứng kiến sự dũng cảm, trách nhiệm, kiên cường, tận tụy thủy chung của con khi cái. Tiếng súng của ông làm đàn khi sợ hãi chạy tán loạn,

nghe tiếng gọi buồn thảm đau đớn của con đực, dù “*dừng lại lắng nghe với vẻ khiếp sợ hoảng loạn*” nhưng con khỉ cái “*tuồng như muốn liều thí mạng, nó đến gần nâng con khỉ đực nhô lên*”. Con khỉ cái đã không bỏ mặc bạn đời trong cơn hoạn nạn mà tìm cách cứu khỏi nguy nan “*nó ghì lấy con khỉ đực vào lòng rất nhanh và khéo. Cả hai lăn tròn trên đất*”.

Khi ông đưa con khỉ đực bị bắn hạ xuống núi, suốt hai tiếng khỉ cái “*lễo đẽo đằng sau*”, “*lằng nhằng bám theo*” trong nỗ lực cứu khỉ đực. Ông cảm phục nó “*con khỉ cái cũng thật kiên trì*” và thay đổi thành kiến “*Ông nhìn hai con khỉ và thấy cay cay sống mũi. Hóa ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quá thật nặng nề*”. Từ cái nhìn trịch thượng của loài người cuối cùng ông Diểu cũng hiểu ra, loài vật cũng có số mạng, có có gia đình và chúng cũng gánh vác trách nhiệm và tràn đầy tình yêu như là con người vậy. Thuyết loài người là trung tâm (Anthropocentrism) tồn tại cố hữu trong tư tưởng nhân loại mặc định về những điều vẫn được xem là độc quyền của loài người để có thể “*đứng cao hơn tự nhiên*”: tình cảm, ngôn ngữ, văn hóa. Kỳ thực, thế giới muôn loài sống chân thật, an nhiên, bao dung và tự do hơn loài người. Coi loài vật là sinh linh có tâm hồn, biết đồng cảm và chia sẻ, giúp cho chúng ta khỏi trượt xa trong cái nhìn duy ý chí về vạn vật, để trở lại với tâm thức sống hòa hợp tự nhiên, khôi phục lại khách thể tự nhiên cam nín bên cạnh con người. Nhận ra loài vật có sinh mệnh thật sự, có số phận, tính cách, tâm hồn, ông Diểu làm mới cái thấy của mình, nhận chân sự vận hành của vũ trụ ông cảm thấy thấu suốt và an hạnh.

Thấu biết lẽ thường của tạo hóa, ông Diểu “*dừng lại sững sờ*” trước những đóa hoa tử huyền trong lối mòn. Lối mòn vốn ít người qua lại, mà hoa quý lại mọc trong lối mòn, phải chăng dụng ý rằng cái tốt đẹp ít khi phô ra bên ngoài cho nhiều người thấy. Chỉ khi ta đi ngược lại với những con lộ thênh thang nhưng nhiều người, quay lại chiêm nghiệm sẽ phát hiện ra thứ mà không phải ai cũng khám phá ra được. Như ông Diểu, ngay ở đầu truyện, khi trong đầu ông chỉ nung nấu ý nghĩ về việc săn khỉ, ông không nhận ra được vẻ đẹp của thiên nhiên - hiện hữu từng giây phút và không thay đổi. Đến cuối truyện, ông mới nhận ra “*hoa màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm*”, lộ trình chuyển hóa nhận thức trong ông ngay được xác định từ tà kiến sang chính kiến.

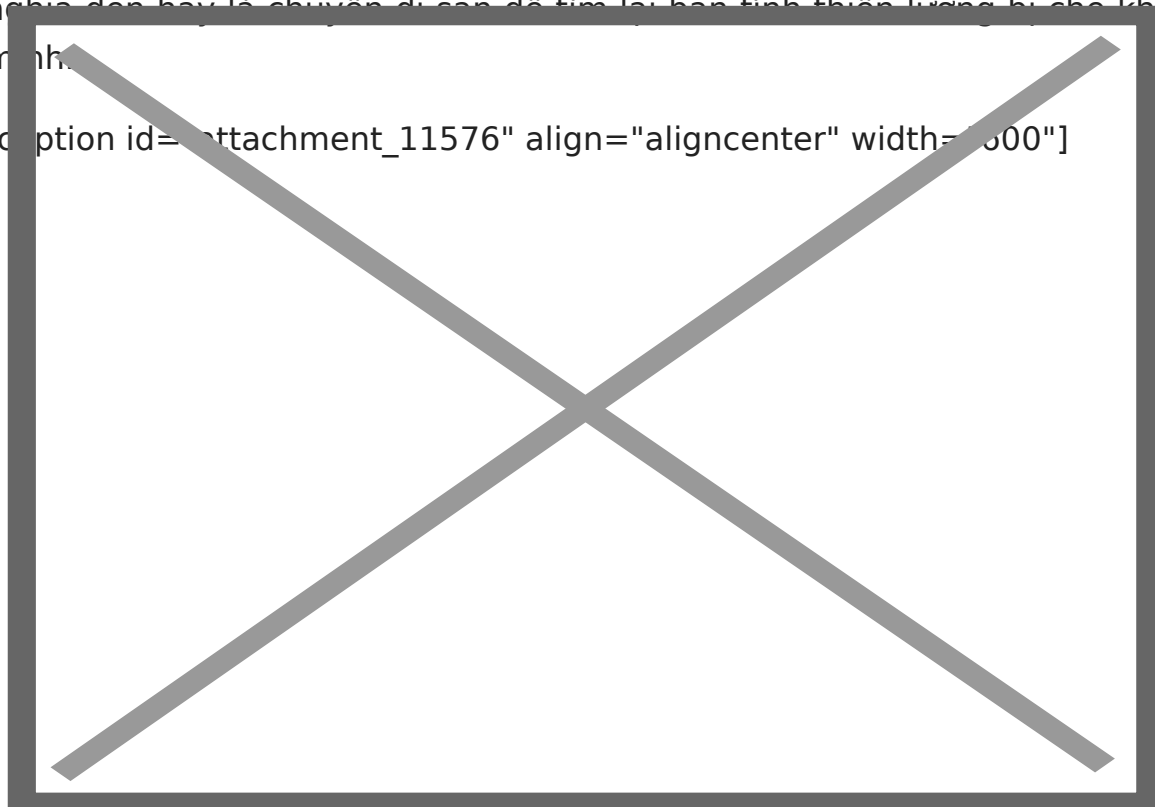
2. Chính tư duy là suy nghĩ chân chính. Điều này được đức Phật dạy “*Và này các Tỳ kheo, thế nào là Chính tư duy? Đây các Tỳ kheo, chính là xuất ly tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy*” [3]. Ý thức được khổ đau là do sự sát hại gây ra nên giới thứ nhất trong năm giới của đệ tử Phật là không sát hại. Khi ông Diểu suy nghĩ về những hành động gây tổn thương đến gia đình khỉ là lúc ông bắt đầu suy nghĩ về hành động giết hại, khai mở cho ăn năn và cứu chuộc.

Ông Diểu (Muối của rừng, Nguyễn Huy Thiệp) đi săn nhưng mỗi lần gây tai họa cho khỉ, ông đều ân hận, thảng thốt. Khi ông bóp cò khiến “con khỉ đực buông tay ngã nhào xuống đất nặng nề”, tiếng súng cũng làm cho bầy khỉ hoảng loạn và chạy biến đi; lạ thay, sự hoảng loạn ấy lại làm ông sợ hãi, “chân tay ông rún ra”, “sự hỗn loạn của đàn khỉ khiến ông Diểu sợ hãi run lên... Ông đã lộ mặt là tên ám sát”; khi dồn khỉ con đến miệng vực khiến nó lăn xuống, “ông Diểu tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Từ vực sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ... Ông Diểu lùi lại kinh hoàng”. Thú vui săn bắn ban đầu của ông cũng nặng nề rơi tõm vào vùng tâm thức; khiến ông “cảm giác như người mới vừa làm xong việc nặng”. Ông Diểu không hả hê, thỏa mãn vui sướng mà ngược lại chỉ có sợ hãi, bất an, âu lo. Tình cảnh này cũng đã được mô tả trong bài hát Người thợ săn và đàn chim nhỏ (Anh Bằng): “Chim yên tâm sống yên bình/ Yêu thương nhau trên đầu cành/ Đạn vụt bay đến nhanh/ Chim chết chim lìa cành” với một nỗi ưu tư, sầu muộn. Ông Diểu vừa làm tiêu tán một gia đình khỉ đang vui chơi chuyển cành. Do vậy, đi săn không còn là niềm vui chinh phục mà nặng trĩu âu lo về nhân tính “Ông vừa làm điều ác”. Con người nhìn thấy cái phi nhân nhất của mình qua hành động giết hại động vật. Suy nghĩ của ông Diểu ngược lại với mục đích đi săn ban đầu, biết mình đang hành động ác là sự khẳng định chính tư duy đã có mặt trong ông. Hành trình đi về thiên lương bắt đầu được mở cửa.

3. Chính nghiệp là hành động đúng đắn, không gây tổn hại cho người và vật. Điều này được đức Phật dạy “Và này các Tỳ kheo, thế nào là chính nghiệp? Này các Tỳ kheo, chính là từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ phi Phạm hạnh. Này các Tỳ kheo, đây gọi là chính nghiệp” [3]. Theo Phật giáo, nghiệp thường được chia làm ba, đó là: thân nghiệp (nghiệp của thân), khẩu nghiệp (nghiệp của miệng) và ý nghiệp (nghiệp phát xuất từ ý nghĩ). Như vậy, ý nghiệp thuộc về chính tư duy, khẩu nghiệp thuộc về chính ngữ, ở đây, chúng tôi chỉ bàn về thân nghiệp. Ban đầu ông Diểu xuất hiện với hành động đi săn “đi săn trong rừng vào một ngày xuân kể cũng đáng sống”. Đi săn tức là cố ý cướp đi sinh mạng, hủy hoại sự sống của loài vật một cách có chủ ý. Đây được xem như hành động bất thiện, thuộc về tà nghiệp. Nhưng sau khi bắn hạ con khỉ đực khiến gia đình nó tan tác thì ông hối cải. Ân hận len lỏi trong tâm hồn ông Diểu sau cuộc rượt đuổi, ông nảy sinh ý nghĩ cứu giúp nó. Hành động cứu giúp đó là chính nghiệp. Khi ông phát hiện ra con khỉ đực đang “bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá”, đến bên con khỉ rồi, ông “vơ lấy một nắm cỏ Lào vò nát cho vào miệng nhai kỹ, đắp nắm lá vào miệng vết thương con khỉ, cầm máu cho nó”. Sự chế ngự ý nghĩ giết hại bộc phát, nỗi hối hận khiến tâm hồn ông Diểu được thanh lọc và chuyển hóa bằng hành động đắp thuốc cho con khỉ đực. Đây là chuỗi diễn biến tâm lý hoàn lương phức tạp và mâu thuẫn nhau. Lương tâm và

nhân tính thuần thiện của ông Diểu trỗi dậy. Trong lòng ông đầy thương cảm và tha thiết mong muốn cứu con khỉ đực. Khi con khỉ cái tìm cách tiếp cận con khỉ đực bị thương, ông đã không nhắm bắn mà chỉ làm động tác để xua đuổi “*ném mạnh khẩu súng văng về phía trước. Ông muốn mong cho con vật hoảng sợ buông mồi*”. Chính Tư duy biểu hiện qua hành động vô sân và vô hại với loài vật. Chuyển đi săn theo ngụ ý tác giả thật sự có phải là chuyển săn mồi theo nghĩa đen hay là chuyển đi săn để tìm lại bản tính thiện lương bị che khuất của mình.

[caption id="attachment_11576" align="aligncenter" width="600"]



Cố

nhà văn Nguyễn Huy Thiệp - Ảnh: St[/caption]

4. Chính ngữ trong Phật giáo có nghĩa là lời nói chân chính. Đức Phật dạy rằng: “*Và này các Tỳ kheo, thế nào là chính ngữ? Đây các Tỳ kheo, đó là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Đây các Tỳ kheo, đây gọi là chính ngữ*” [3]. Hay nói cách khác, chính ngữ là lời chân thật, lương thiện. Nếu như lúc đầu ông Diểu phát ra tà ngữ: “*Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày*”; “*Để đến hơn yến...*”. Sau khi bắt được con khỉ, tâm thức ông được từ bi san bằng và biểu hiện lời nói bắt đầu chuyển biến tích cực. Khi ông tìm thấy con khỉ đang trong tình trạng bị “*viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trời ra hẳn đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khỉ quằn quại trông rất đau lòng*” ông đã thốt lên: “*Để thế không ổn*” và tìm cỏ, nhai rồi đắp cho nó. Con khỉ được chăm sóc “*rúc hẳn vào hai lòng tay ông Diểu. Miệng nó phát ra âm thanh lấp bắp nghe như tiếng của trẻ con*”.

Ông Diểu thấy vậy lại mỉm lòng và áy náy: *“Giờ tao biết lấy gì băng bó cho mày hở khi?”*. Những lời nói yêu thương thành thật, chan hòa ấy có công dụng trấn an, xoa dịu và an ủi con khi đực đang đau đớn. Thật ra, sự chuyển hóa lời nói chính ngữ xuất hiện ngay từ giây phút ông bắt hạ con khi đực. Con khi đực bị thương cất tiếng gọi, con khi cái chạy lại cứu nó, tiếng rên khe khẽ *“chạy đi”* của ông là sự thể hiện chính ngữ. Âm thanh khe khẽ là biểu hiện của sự từ bi mẫn cảm trước một con vật. Nói với âm lượng quá to có thể khiến nó càng sợ hãi, càng bấn loạn. Đây là biểu hiện của sự dịu dàng, âu yếm, vỗ về trong lời nói. Khi ông Diểu khẽ nói *“chạy đi”*, chất liệu từ bi lan tỏa trong lời nói đó, đem lại cảm giác an toàn, cho nó một lối thoát. Điều đó chứng tỏ, chính ngữ đã có sẵn trong sự hướng thiện của ông nhưng tạm thời bị hoàn cảnh xấu che lấp đi. Thế có nghĩa là dưới ánh sáng dẫn dắt của chính kiến và chính tư duy ông có chính ngữ, chính nghiệp đúng đắn.

5. Chính tinh tấn là sự kiên tâm, bền chí, dũng mãnh, không đầu hàng, không lui sụt.

Tinh tấn có nghĩa là sự siêng năng. Nhưng đôi khi sự lầm lạc khiến những cố gắng càng vướng mắc, mất tự do và sai trái hơn (tà tinh tấn). Với mục đích *“nã được chú khi và con sơn dương thì đã đời”*, ông Diểu đã bỏ qua những con vật bình thường như chim xanh, gà rừng... đi thẳng lên rừng dâu da trên núi đá vôi là Hoa Quả Sơn săn khi. Ông vật lộn để đưa con khi đực xuống *“núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm”*. Trên hành trình chiếm đoạt tự nhiên ấy ông còn bị núi lở, khiến con đường càng dài hơn *“Đành phải vòng ra sau núi. Xa hơn nhưng lại an toàn”*. Hành trình ấy vất vả mệt nhọc *“lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được chân núi”*. Ông Diểu đã già (sáu mươi tuổi), việc đi săn là để ông chứng minh *“cái ngã”* của ông chứ hoàn toàn không vì thức ăn (ông khẳng định ngay từ đầu *“chim bồ câu nhà ông có đầy”*). Đi săn để chứng minh vị thế của mình trong mắt người khác *“Thì đã làm sao?...”*

Bắn được con vật thế này thì dẫu mảnh giáp không còn cũng đáng”. Đi săn để ông tự huyễn hoặc về sức mạnh *“ông không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế”*. Thân và tâm của ông mâu thuẫn nhau. Ông không dám thừa nhận sự già nua *“mình đâm già rồi... Nó biết người già thì dễ mỉm lòng”*, dù trên hành trình đi săn *“Thật chưa bao giờ ông lại vất vả và mệt đến thế. Người ông đầy vết xây xước”* ông vẫn tự huyễn hoặc thành tích; dù trên hành trình chiếm đoạt tự nhiên ông mất hết tất cả: khẩu súng, thức ăn (nấm xôi nếp), mũ áo, quần lót. Rõ ràng, hành trình săn thú của ông Diểu dưới ngòi bút của Nguyễn Huy Thiệp không hề là hành trình tự hào chinh phục tự nhiên của Uylisơ, Hecquyn, Hậu Nghệ... mà một hành trình nhọc nhằn, mất mát, chật vật. Hàng loạt hành động thể hiện nỗ lực, kiên trì chỉ khiến ông Diểu càng đi vào tăm tối

của dục vọng, sai lầm, lạc lối.

Ngược lại, sự siêng năng đúng đắn (chính tinh tấn) là hành vi hướng về thiên lương của ông Diểu, không hề nản lòng, không màng tính toán, không chút so đo, không chịu ngừng nghỉ, mặc dù đang gặp khó khăn, nguy hiểm (cho dù thực ra ông không ý thức rõ ràng về điều đó): leo “*thoăn thoắt*” để cứu con khỉ, đắp lá, lấy quần băng bó vết thương lại cho nó... Ông đưa con khỉ khỏi vị trí nguy hiểm “*Con khỉ đực nằm trên ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh*”. Máu từ vết thương bả vai chảy ra, ông đã nhường cái quần duy nhất cho nó “*cởi chiếc quần lót đang mặc để băng vết thương cho khỉ*”... Trên mặt ý nghĩa, chính tinh tấn (nỗ lực cứu khỉ), là đòn bẩy cho bước đầu biết áp dụng chính kiến, chính tư duy trí tuệ để thăng bước trên đà của hành động thiện (cứu khỉ), nung chảy ý niệm giết hại qua hành động đi săn tan chảy ra.

6. Chính mạng là để đảm bảo đời sống mưu sinh một cách chân chính.

Đức Phật từng tuyên: “*Và này các Tỳ kheo, thế nào là chính mạng? Ở đây, này các Tỳ kheo, vị Thánh đệ tử đoạn trừ tà mạng, nuôi sống với chính mạng. Đây này các Tỳ kheo, đây gọi là chính mạng*” [3]. Người sinh sống bất lương, gian tham, làm những việc tổn hại trực tiếp hay gián tiếp đến mọi người, làm tổn hại chúng sinh, giết thú, sáng chế vũ khí, giết người hại vật... đều bị coi là sống tà mạng. Trong Muối của rừng, chính mạng thể hiện ở sự chuyển hóa mục đích đi săn của ông Diểu. Mở đầu tác phẩm là cảnh sắc thiên nhiên vào mùa xuân, “*cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng, vừa tình cảm*”, mùa của đâm chồi nảy lộc, mùa của sự hồi sinh sau những tháng ngày ủ đông. Cảnh sắc sinh sôi ấy làm nảy nở sự nung nấu và tách vỏ ý niệm về một chuyến đi săn của ông Diểu “*chính dịp đó ông Diểu đi săn*”. Đi săn là một hành động thể hiện sự chiếm lĩnh, khuếch trương vị thế của mình, hài lòng tự mãn cho mình có quyền tước đoạt mạng sống kẻ yếu thế hơn, là một hành động hủy hoại. Ông nuôi ý niệm đi săn đã lâu, cho đến khi “*thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng*”. Với ý muốn đã nuôi sẵn, việc tặng cây súng vô tình thúc đẩy thêm lòng ham muốn trong ông Diểu. Yếu tố ở trong (ý muốn đi săn) và cơ hội ở ngoài (có khẩu súng mới) hình thành nên chuyến đi săn với tâm thế háo hức. Ông chuẩn bị đầy đủ tất cả đồ cần dùng và “*rẽ sang lối mòn ngoằn ngoèo đi miết*”. Đối với việc đi săn, không chọn đường quang, đường nhiều người đi, mà chọn lối mòn rậm rạp là lối ít người đi, cũng là con đường có nhiều thú vật ẩn nấp bởi ít có bóng dáng con người. Đó là một lựa chọn đúng cho người đi săn), tuy nhiên đường mòn xuất hiện đầu tác phẩm, đối lập với cảnh sắc xuân được vẽ ra từ đầu bức tranh. Nó có thể là dấu hiệu ẩn dụ cho việc lựa chọn đi vào đường cùng, có thể là mở đầu cho cuộc dẫn thân mạo hiểm.

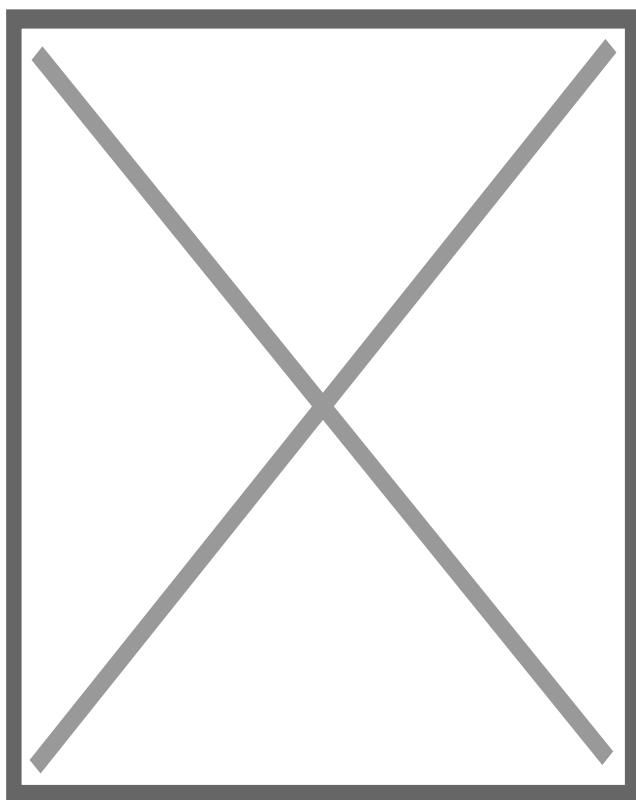
Từ hành động giết hại (đi săn) phi lý bất lương, tổn hại muôn loài (con khỉ đực), để thỏa mãn thú vui tiêu khiển; giờ đây ông đã biết hành động một cách thận trọng, giữ gìn mọi hành động, cử chỉ, cách cư xử của mình, để không làm thương tổn đến tính mạng của con khỉ đực đang bị thương. Nhận thấy mình *“vừa làm việc ác”, “sai lầm rồi”* ông bừng tỉnh và cứu chuộc lỗi lầm bằng cách vút bỏ cây súng, áo quần...những thứ vật chất thuộc về văn minh *“cứ thế trần trường vừa bế vừa đỡ con khỉ xuống núi”*. Lạ thay, khi con người tước bỏ hết những tiện nghi vật chất thì giữa người và vật như nhau. Tiện nghi vật chất trở thành trá hình của những tham vọng, độc ác, chiếm hữu. Con người đem chính cái văn minh hỗ trợ đó trở thành bất minh mà đối xử với muôn vật. Nhưng khi tư duy chân chính xuất hiện, ông Diểu biết mình làm trái và tỉnh giấc từ bỏ đi săn *“Thôi tao phóng sinh cho mày”*. Con người lúc này trở về với bản chất tốt đẹp, nguyên sơ, thuần khiết, cũng là lúc con người hòa nhận với tự nhiên là một *“Chỉ một lát sau, bóng ông hòa vào màn mưa”*.

7. Chính niệm - tức sự tỉnh giác. Sự tỉnh giác này được thể hiện rõ nhất qua hành động khi bắn con khỉ, ông biết mình vừa làm ác; khi ở trong Hõm Chết, ông biết được mình đang ở trong khu vực nguy hiểm... Ở các khoảng thời điểm đó, ông Diểu nhận thấy được sự vật diễn ra đúng với bản chất của nó. Chính nhờ có chính niệm, ông Diểu thật sự chú tâm đến những hoạt động mình đang làm và ghi nhận phản ứng của tâm mình ngay khoảnh khắc ấy. Khi ông dồn con khỉ nhỏ đến bờ vực và nó lăn xuống miệng vực, nhìn miệng vực, ông *“tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm, ông rùng mình”*; đó là biểu hiện của việc ông biết rõ mức độ nguy hiểm chết người từ bờ vực. Phải thật sự tỉnh táo, không được sợ hãi, rối loạn, bằng không ông Diểu có thể mất mạng bởi rừng núi cheo leo *“sương mù dâng lên cuồn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí”*. Nhờ có chính niệm, ông mới định tĩnh lại và thoát khỏi Hõm Chết.

Chính niệm thể hiện sự chú ý. Tâm có mặt trong hiện tại. Chúng ta quan sát và hiểu đối tượng không phải bằng kinh nghiệm tích lũy mà hiểu đối tượng như chính nó. Như đã phân tích ở trên, ông Diểu không nhìn con khỉ như bản thân vốn có mà ông lấy kinh nghiệm của loài người để đánh giá. Nhưng trong trạng thái trần trường, khi con người cũng như con vật, tước bỏ hết những tiện nghi, vật chất, văn minh là lúc ông Diểu nhận ra con người cũng yếu đuối như con khỉ. Ông vác con khỉ đực bị thương xuống núi, con khỉ *“co rúm người lại và nghiêng đôi mắt uơn uớt nhìn ông”*. Ánh mắt của nó khiến ông nhận thức về thực tại. Nỗi đau của con khỉ kéo ông trở về với tình thương đích thực. Ông nhận ra mọi vật cũng như mình, đều tham sống sợ chết *“Hết thấy loài vật đều ham sống sợ chết, tìm chỗ an ổn, tránh chỗ nguy hại, so với tâm lí con người không khác”* [9, 5]. Ông chia sẻ cảm giác bị đau với con vật, bằng bó vết thương, chăm sóc cho nó, *“thấy thương hại”, “tránh nhìn vào mắt nó”* vì *“dễ mủi lòng”*. Ánh

mắt của loài vật khiến con người thức tỉnh. Lão Hạc cũng từng day dứt mãi vì cái nhìn của con Vàng. Hầu hết các nhà sinh thái nghiên cứu về động vật đều nhấn mạnh đến ánh nhìn: Khi con vật nhìn ta (Elisabeth de Fontenay); Vì sao phải nhìn những con vật (John Berger) nhắc nhở loài người về ánh mắt kì lạ của muôn loài. Khi bắn hạ con sói Aldo Leopold ám ảnh vì ánh sáng phát ra *"một đốm lửa xanh trong ánh mắt đang tắt dần sinh khí của con sói. Vào giây phút ấy, tôi nhận ra một điều mình chưa từng biết, rằng có điều gì đó mới mẻ trong đôi mắt ấy - một bí mật giữa con sói và ngọn núi"* [7, 115].

Kiểu nhân vật đi săn không còn hiện diện với cảm hứng chinh phục tự nhiên, mà nghiêng về cảm giác chia sẻ nỗi đau thể chất với con vật. Chính niệm là tuệ giác, thấy rõ để hiểu và thương. Không nên phân biệt giữa vật với ta *"Hết thấy muôn loài mang máu huyết thần khí đều có tri giác cảm nhận, hết thấy những sinh vật động đậy bay nhảy đều chung một thể tính với ta"* [9, 279]. Phân biệt vật và ta là đầu mối của mọi sinh ly, giết hại. Điều này là điểm cốt lõi để tỉnh thức, vì vẫn coi sinh thái và con người là những thực thể khác biệt nên chúng ta vẫn loay hoay với việc tìm ra tư tưởng để tái thiết sinh thái.



8. Chính định tức sự tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, đúng với chân lý, hợp với lẽ phải. Trong cuộc săn khỉ của ông Diểu, Chính định khởi lên thông qua hành động *"ông ngồi đấy lặng lẽ quan sát... Ông Diểu ngồi im để đến nửa giờ. Mưa xuân mỏng và mịn. Thời tiết ấm. Để đến rất lâu ông Diểu mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì không buồn không vui,*

không lo lắng, cũng không tính toán. Sự tĩnh lặng bình thản của rừng xuyên suốt qua ông". Sự dừng lại một chỗ, thả lỏng của thân tâm niệm là một trong những biểu hiện sơ khai của định. Trạng thái tĩnh lặng làm ông quên đi những xúc cảm tiêu cực, chỉ còn sự nhu nhuyễn và sâu lắng dần "rất lâu ông Diểu mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì không buồn không vui, không lo lắng, cũng không tính toán". Chính định chính là gom tâm niệm lại một chỗ, chỉ khi yên lặng, định tĩnh, người ta mới có thể lắng tâm.

Kết thúc truyện, Nguyễn Huy Thiệp để ông Diểu hiện lên với hình hài trần trụi. Đây là chi tiết ẩn dụ cho hình hài ban đầu của con người, cho sự trở về với nguồn cội xưa cũ của mình, một sự nguyên sơ, trong trắng, đó là sự "phản chiếu" đầy thú vị; thể hiện sự quay về trạng thái đơn thuần tinh khiết nhất của con người và ẩn dụ cho sự hồi đầu ngoặt mục trong ông Diểu. Hoa tử huyền nở báo hiệu kết thúc chuyến đi săn, "loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc". Một hình ảnh mang năng lượng ấm áp, lột tả sự an bình, viên mãn. "Trời sẽ ấm dần" như tâm hồn ông sau chuyến đi săn cũng được sưởi ấm bởi những điều ông nhận ra trong suốt cuộc hành trình, cả bên ngoài và bên trong. Tâm an định ở rừng sâu để cảm nhận không khí mùa xuân lan tỏa xung quanh mà ban đầu trong chuyến đi săn ông không nhận thấy. Ông như đang hành thiền "Ông cứ trần trụi như thế mà đi, cô đơn như thế mà đi". Hành trình đó là con đường trở về với hạnh phúc, ấm áp, sinh sôi.

Như vậy, giáo dục Phật giáo qua Bát Chính Đạo là con đường cụ thể để chuyển đổi bản thân, nhằm làm cho chúng ta trở thành người có phẩm hạnh và đạo đức không chỉ giữa người với người mà với cả động vật. Đạo lí về môi trường của đạo Phật nhận biết nguyên nhân sâu xa và chỉ ra cho chúng ta hướng đến một giải pháp khả thi thông qua cảm quan đạo đức sinh thái, nuôi dưỡng tâm Từ Bi với mẹ thiên nhiên và con đường cụ thể là Bát Chính Đạo để cải thiện tự thân, cải tạo hoàn cảnh, loại bỏ những quan điểm sai lầm, đào luyện thân và tâm như ông Diểu trong Muối của rừng.

**TS Trần Thị Ánh Nguyệt - Trần Lê Hồng Phúc Đại học Duy Tân, Đà Nẵng
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 11/2021 *****

THƯ MỤC THAM KHẢO: 1. Thích Minh Châu dịch (2003), Trung Bộ Kinh I – Kinh tất cả lậu hoặc, Tiểu kinh dấu chân voi, Kinh Thừa tự pháp, NXB Tôn Giáo, Hà Nội. 2. Thích Minh Châu dịch (2003), Trung Bộ Kinh I - Kinh Chánh Tri Kiến, NXB Tôn Giáo, Hà Nội. 3. Thích Minh Châu dịch (2013), Kinh Tương ưng bộ, tập 5, Chương I, phẩm Vô minh, NXB Tôn Giáo, Hà Nội. 4. Ronald Epstein (1990) "Một

quan điểm Phật giáo về quyền động vật”, Quảng Giải trích dịch, Văn Hóa Phật Giáo, số 179. 5. Elisabeth de Fontenay (2013), Khi con vật nhìn ta, Hoàng Thanh Thủy dịch NXB Tri Thức, Hà Nội. 6. Thích Nhất Hạnh (2019), Trái tim của Bụt, NXB Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh 7. Aldo Leopold, (2020), Niên lịch miền gió cát, Dương Mạnh Hùng dịch, NXB Lao Động - Xã hội, TP Hồ Chí Minh. 8. Nguyễn Văn Thuấn (2020), Du hành giữa các văn bản - Nguyễn Huy Thiệp xã hội Việt Nam sau 1975, NXB Đại học Huế. 9. Vạn Thiện Tiên Tư (2015), Khuyên người bỏ sự giết hại, Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải, NXB Tôn giáo, Hà Nội.